

Bản án số: 100/2026/HS-ST
Ngày 22-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hùng;

Ông Nguyễn Đức Bường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2026/TLST-HS ngày 11/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-HS ngày 02/6/2026, đối với bị cáo: **Phạm Mạnh H**, sinh năm 1988 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ C, phường T, tỉnh Ninh Bình; căn cước công dân số 037088000838, cấp ngày 29/9/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T và bà Tạ Thị H1; bị cáo có vợ là Vũ Thị Y và 03 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Phạm Mạnh H2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ C, phường T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

- Người làm chứng: Anh Đặng Xuân H3, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (có mặt); chị Lê Phương U, sinh năm 2005; nơi cư trú: K, xã B, xã B, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt) và chị Lâm Thị T1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 29/11/2025, bị cáo Phạm Mạnh H có giấy phép lái hạng E, FC đang trong hạn sử dụng (bằng có giá trị đến 07/7/2026) điều khiển xe ô tô chở khách biển kiểm soát 35F – 000.57 đi từ Trường trung học phổ thông T3, tỉnh Ninh Bình theo hướng đường ven biển đến xã Đ, tỉnh Hưng Yên, khi bị cáo H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 35F – 000.57 đi đến khu vực giao nhau giữa đường ven biển và đường bộ cùng mức thuộc địa phận thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, đoạn đường này là đường hai chiều rải nhựa, lòng đường rộng 11 mét, tim đường có vạch kẻ nét đứt màu vàng phân chia hai chiều xe chạy, khu vực có biển cảnh báo nguy hiểm W207a - giao nhau với đường không ưu tiên, khi xe còn cách ngã tư khoảng 50 mét, bị cáo H phát hiện phía trước bên phải theo chiều đi của xe ô tô, có một xe mô tô biển kiểm soát 17B2 -020.01 của bị hại chị Nguyễn Thị L đang điều khiển đi theo hướng từ đường thuộc thôn H qua ngã tư giao nhau để đi đến thôn H, do chủ quan không giảm tốc độ đến mức an toàn khi đi đến khu vực đường giao nhau, nên phần đầu xe ô tô do bị cáo H đang điều khiển đã đâm va vào bên trái xe mô tô do bị hại chị L đang điều khiển, làm cho xe mô tô của bị hại chị L ngã đổ ra đường, bị hại chị L cũng bị ngã đập xuống mặt đường, hậu quả: Bị hại chị Nguyễn Thị L bị chấn thương và được đưa đi Bệnh viện điều trị đến ngày 02/12/2025 thì được xuất viện, xe ô tô chở khách biển kiểm soát 35F – 000.57 và xe mô tô biển kiểm soát 17B2 – 020.01 bị hư hỏng.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 15/KL-KTHS ngày 12/01/2026 của V - Bộ C, kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại chị Nguyễn Thị Lý D tai nạn giao thông gây nên tại thời điểm giám định là 73%.

Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, ngày 11/12/2025 bị cáo H đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm về các khoản cho bị hại chị L với tổng số tiền là 75.000.000 đồng, bị hại chị L đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại này và không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm, có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Bản Cáo trạng số 38/CT-VKSKV6 ngày 11/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Phạm Mạnh H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Mạnh H thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, các

điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 65 của BLHS. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Mạnh H phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Mạnh H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo H cho chính quyền địa phương nơi bị cáo Hữu cư T2, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của BLHS.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLDS), chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm giữa bị cáo và bị hại, cụ thể: Ngày 11/12/2025 bị cáo H đã bồi thường các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại chị L với tổng số tiền là 75.000.000 đồng, bị hại chị L đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại này và không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Đề nghị HĐXX chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H (sau đây viết tắt là CQĐT) ngày 30/12/2025 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Mạnh H2 01 xe ô tô khách BKS 35F-000.57, anh H2 đã nhận lại xe ô tô và không có yêu cầu gì thêm và ngày 12/4/2026 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại bị hại chị Nguyễn Thị L 01 xe mô tô Honda Wave S, biển kiểm soát 17B2 – 020.01, bị hại chị L đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu gì thêm.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS, các điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, do bị cáo H đã bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại chị L trước ngày mở phiên tòa nên bị cáo H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định đối với bị cáo H, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H không tranh luận, bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để tự cải tạo ngoài xã hội, phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị hại chị L, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh H2 nhưng những người này đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt người làm chứng là chị U và chị T1 nhưng những người làm chứng này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án; xét thấy việc vắng mặt những người nêu trên tại phiên tòa sơ thẩm không làm ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án, nhưng họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, việc họ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của BLTTHS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự chung.

[2] Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29/11/2025, tại ngã tư giao cắt giữa đường bộ ven biển và đường xã Đ thuộc địa phận thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Phạm Mạnh H có giấy phép lái xe ô tô hạng E, FC hợp lệ, đã điều khiển xe ô tô chở khách biển kiểm soát 35F-000.57 do không chú ý quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để đảm bảo an toàn tại nơi đường bộ giao nhau với đường cùng mức, nên đã gây ra tai nạn giao thông với xe mô tô Honda Wave S, biển kiểm soát 17B2 – 020.01 do bị hại chị L điều khiển đi ngang sang đường, hậu quả làm bị hại chị L bị tổn thương cơ thể do tai nạn giao thông gây nên là 73%.

[3] Hành vi phạm tội mà bị cáo H đã thực hiện được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường (bút lục từ số 22 đến số 33); Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông (bút lục từ số 36 đến số F); Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 15/ KL - KTHS ngày 12/01/2026 của V Bộ C đối với bị hại chị L (bút lục số 72 đến số G); Giấy chứng nhận thương tích của bị hại chị Lý do Bệnh viện V1 cấp (bút lục số 83 đến bút lục số 119); Phiếu kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở và chất ma túy đối với bị cáo H (bút lục số 140, 141); Giấy phép lái xe ô tô hạng E, FC của bị cáo H (bút lục số 214); Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 của bị hại chị L (bút lục số 216); biên bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại ngày 11/12/2025 (bút lục số 224 đến bút lục số 227); các biên bản ghi lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng (bút lục số 158 đến bút lục số 187) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Do đó, HĐXX có đủ căn cứ kết luận, hành vi phạm tội mà bị cáo Phạm Mạnh H đã thực hiện nêu trên, đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của BLHS.

Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ quy định:

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

“1...

28. Hành vi khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ quy định tại chương II của luật này.”

Điều 10. Quy tắc giao thông

“1. Người tham gia giao thông đường bộ phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định, chấp hành báo hiệu đường bộ và các quy tắc giao thông đường bộ khác;

2...”

Điều 12. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phần đường.

2. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải bảo đảm tốc độ phù hợp điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn.

3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau đây:

a) ...

d) Nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ;...”

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo H thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; có thời gian tham gia Q; bố đẻ được Nhà nước

tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; có 03 con nhỏ đều dưới 15 tuổi; bị hại cũng có một phần lỗi (vi phạm Điều 7 và Điều 32 của Nghị định số 168NĐ/CP) và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhân thân của bị cáo H, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo H được hưởng. HĐXX nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo H đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới an toàn công cộng, trật tự công cộng, dễ xảy ra tai nạn giao thông, gây thiệt hại làm tổn thương cơ thể cho bị hại chị L là 73%, nên HĐXX nhận thấy cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, Điều 38, Điều 50 của BLHS để quyết định một hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo H. Do bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của BLHS cho bị cáo H được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 05 năm và giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục đối với bị cáo H trong thời gian thử thách, là cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo H trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[7] HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H quy định tại khoản 5 Điều 260 của BLHS.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của BLDS. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm giữa bị cáo H và bị hại chị L vào ngày 11/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nên HĐXX chấp nhận, cụ thể: Bị cáo H đã bồi thường cho bị hại chị L các khoản thiệt hại gồm: Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị tại Bệnh viện và khoản tiền bù đắp về tổn thất tinh thần, tổng là 75.000.000 đồng, bị hại chị L đã nhận đủ số tiền bồi thường này và không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm. Xe mô tô của bị hại chị L bị thiệt hại không lớn, bị hại chị L không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường nên HĐXX không đặt ra giải quyết về việc này.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS. HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra vụ án việc xử lý vật chứng của CQĐT là đúng thẩm quyền, không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án, nên HĐXX chấp nhận ngày 30/12/2025 CQĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Mạnh H2 01 xe ô tô khách BKS 35F-000.57, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh H2 đã nhận lại xe ô tô này và không có yêu cầu gì thêm và ngày 12/4/2026 CQĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại bị hại chị Nguyễn Thị L 01 xe mô tô Honda

Wave S, biển kiểm soát 17B2 – 020.01, bị hại chị L đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu gì thêm.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và các điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; do bị cáo H đã bồi thường thiệt hại cho bị hại trước khi mở phiên tòa nên bị cáo H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS. Bị cáo Phạm Mạnh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Mạnh H2 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 50 và khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm a và điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Mạnh H phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Mạnh H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/6/2026, giao bị cáo Phạm Mạnh H cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục đối với bị cáo H trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

4. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm của bị cáo Phạm Mạnh H và bị hại chị Nguyễn Thị L, cụ thể: Ngày 11/12/2025 bị cáo Phạm Mạnh H đã bồi thường thiệt hại cho bị hại chị Nguyễn Thị L về các khoản với tổng số tiền 75.000.000 đồng, bị hại chị Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại

75.000.000 đồng của bị cáo H và bị hại chị L không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm.

5. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ngày 30/12/2025 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Mạnh H2 01 xe ô tô khách BKS 35F-000.57, anh H2 đã nhận lại xe ô tô và không có yêu cầu gì thêm và ngày 12/4/2026 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại bị hại chị Nguyễn Thị L 01 xe mô tô Honda Wave S, biển kiểm soát 17B2 – 020.01, bị hại chị L đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu gì thêm.

6. Về án phí: Bị cáo Phạm Mạnh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Mạnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Mạnh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Mạnh H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 -Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo, bị hại; người có QLNVLQ.
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Xuân Bằng